

Phụ lục V
DANH MỤC HÓA CHẤT, SẢN PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT CẤM SỬ DỤNG
TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2019/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 11 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Tên hóa chất
1	Carbuterol
2	Cimaterol
3	Clenbuterol
4	Chloramphenicol
5	Diethylstilbestrol (DES)
6	Dimetridazole
7	Fenoterol
8	Furazolidon và các dẫn xuất nhóm Nitrofurán
9	Isoxuprin
10	Methyl-testosterone
11	Metronidazole
12	19 Nor-testosterone
13	Salbutamol
14	Terbutaline
15	Stilbenes
16	Melamine (Với hàm lượng Melamine trong thức ăn chăn nuôi lớn hơn 2,5 mg/kg)
17	Bacitracin Zn
18	Carbadox
19	Olaquinox
20	Vat Yellow 1 (tên gọi khác: flavanthrene, flavanthrene, sandothrene); công thức phân tử: $C_{28}H_{12}N_2O_2$; danh pháp: benzo[h]benz[5,6]acridino[2,1,9,8-klmna]acridine-8,16-dione.
21	Vat Yellow2 (tên gọi khác: Indanthrene); công thức phân tử: $C_{28}H_{14}N_2O_2S_2$; danh pháp: 2,8-diphenylanthra[2,1-d:6,5-d']bisthiazole-6,12-dione.
22	Vat Yellow3 (tên gọi khác: Mikethrene); công thức phân tử: $C_{28}H_{18}N_2O_4$; danh pháp: N,N'-1,5-Anthraquinonylenebisbenzamide.
23	Vat Yellow 4 (tên gọi khác: Dibenzochrysenedione, Dibenzpyrenequinone); công thức phân tử: $C_{24}H_{12}O_2$; danh pháp: 7,14-Dibenzpyrenequinone.
24	Auramine (tên gọi khác: yellow pyoctanine; glauramine); công thức phân tử: $C_{17}H_{21}N_3$; danh pháp: 4,4'-Carbonimidoylbis[N,N-dimethylbenzenamine] và các dẫn xuất của Auramine.
25	Cysteamine